TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHƯ THANH** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2020/QĐST-DS	*Như Thanh, ngày 15 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147 Bộ luật TTDS; Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 1, khoản 2, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2020, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 20/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị B** - Sinh năm 1959
Trú tại: Khu phố V 1, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà **Lương Thị Q** - Sinh năm 1961
Trú tại: Khu phố 3, thị trấn B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về khoản nợ: Bà Nguyễn Thị B và bà Lương Thị Q thống nhất: Ngày 03/7/2013, Bà Q có vay của bà B tổng số tiền là 130.000.000 đồng; lãi suất theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước; thời hạn trả nợ là ngày 30/12/2015. Đây là khoản nợ riêng của bà Q.

`- *Về quá trình trả nợ:* Bà Nguyễn Thị B và bà Lương Thị Q thống nhất: Bà Q đã trả nợ cho bà B được 10.000.000 đồng tiền gốc; chưa trả được tiền lãi. Số tiền

gốc bà Q còn nợ bà B là 120.000.000 đồng. Bà B không yêu cầu bà Q trả lãi trong hạn và lãi quá hạn.

- Về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B và bà Lương Thị Q thống nhất không yêu cầu Tòa án, áp dụng thời hiệu khởi kiện.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Bà Nguyễn Thị B và bà Lương Thị Q thống nhất: Bà Q có trách nhiệm trả nợ cho bà B tổng số tiền còn nợ là **120.000.000 đồng** (một trăm hai mươi triệu đồng). Bà Q không phải trả tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn đối với khoản tiền trên tính từ thời điểm vay nợ đến khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ thi hành án: Bà Nguyễn Thị B và bà Lương Thị Q thống nhất: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 12%/năm.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị B và bà Lương Thị Q thống nhất: Bà Lương Thị Q phải chị 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND huyện Như Thanh;
- THADS huyện Như Thanh (để thi hành)
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Đình Huy